

Số: 12767/KH-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 10 năm 2021

KẾ HOẠCH

Phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3378/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về một số ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ trong thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4506/TTr-SNN ngày 21/9/2021; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành kế hoạch Phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản thực hiện hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Nhằm bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định bền vững, góp phần thực hiện thành công tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh. Phát triển các chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; gắn công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản với vùng sản xuất lớn, tập trung.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Tỷ lệ giá trị sản lượng sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn được tiêu thụ dưới hình thức hợp tác, liên kết đạt tối thiểu 50% giá trị sản lượng sản phẩm toàn ngành, cụ thể:

- Tỷ lệ giá trị sản lượng sản phẩm trồng trọt trên địa bàn tỉnh được tiêu thụ dưới hình thức hợp tác, liên kết đạt tối thiểu 35%.

- Tỷ lệ giá trị sản lượng sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn tỉnh được tiêu thụ dưới hình thức hợp tác, liên kết đạt tối thiểu 65%.

- Tỷ lệ giá trị sản lượng sản phẩm thủy sản trên địa bàn tỉnh được tiêu thụ dưới hình thức hợp tác, liên kết đạt tối thiểu 35%.

- Tỷ lệ giá trị sản lượng sản phẩm lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh được tiêu thụ dưới hình thức hợp tác, liên kết đạt tối thiểu 65%.

b) Phê duyệt hỗ trợ 84 chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

c) Tuyên truyền, vận động, các chủ thể chủ động liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo hợp đồng. Phấn đấu đến năm 2025, trên địa bàn toàn tỉnh có khoảng 200 chuỗi liên kết do chủ thể liên kết thực hiện (ngoài hỗ trợ của Nhà nước).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn

a) Tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp về mục đích, sự cần thiết phải liên kết trong kinh tế nông nghiệp; quyền và lợi ích của các bên liên quan vào chuỗi cung ứng nông sản, nhất là nhận thức của người nông dân sản xuất nguyên liệu và doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

b) Tập huấn, triển khai rộng rãi chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp nói chung và chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nói riêng.

2. Hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng, triển khai các dự án liên kết

a) Tiếp tục triển khai, hỗ trợ các nội dung đã được phê duyệt của các dự án cánh đồng lớn triển khai ở giai đoạn trước năm 2021; tổng kết đánh giá và nhân rộng các dự án cánh đồng lớn hiệu quả.

b) Hướng dẫn xây dựng, phê duyệt 84 chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (*Phụ lục 1 về chỉ tiêu chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trong giai đoạn 2021-2025, kèm theo*).

c) Vận động các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân, chủ động liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo hợp đồng. Phấn đấu đến năm 2025, trên địa bàn toàn tỉnh có khoảng 200 chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ theo hợp đồng.

3. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất đủ năng lực tham gia thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

a) Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực để nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ quản lý hợp tác xã về kỹ năng quản lý, điều hành và tổ chức sản xuất kinh doanh của hợp tác xã.

b) Củng cố, phát triển các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn; hợp tác xã phải đóng vai trò là chủ thể tích cực trong chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản.

c) Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển hợp tác xã; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong phát triển kinh tế tập thể.

4. Thực hiện công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, tiêu thụ sản phẩm các chuỗi liên kết

a) Tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu, hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm, xây dựng website quảng bá hình ảnh, thương hiệu sản phẩm. Tổ chức hội nghị kết nối giữa doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh với các hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn, tạo môi trường, cơ hội để các chủ thể gặp gỡ, xúc tiến liên kết.

b) Thực hiện hướng dẫn các hợp tác xã, trang trại niêm yết, giới thiệu sản phẩm trên các trang thương mại điện tử nhằm kêu gọi hợp tác, liên kết và xúc tiến tiêu thụ sản phẩm, nhất là các sản phẩm thương mại điện tử có quy mô toàn cầu như: voso, alibaba, amazon, walmart, ebay,...

c) Số hóa thông tin các chuỗi liên kết hiện có; công khai, niêm yết danh sách các doanh nghiệp, cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến nông lâm thủy sản và các hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất các sản phẩm cụ thể trên địa bàn.

5. Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách để thúc đẩy hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản

a) Triển khai Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trên địa bàn tỉnh; trong đó, chú trọng doanh nghiệp đầu tư vào chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp.

b) Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách về phát triển vùng nguyên liệu. Hoàn thiện các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hàng hóa của sản phẩm. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Phát triển sản xuất theo hướng an toàn, thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ. Đẩy mạnh đăng ký và quản lý mã số vùng sản xuất.

c) Khuyến khích các sản phẩm đặc trưng của địa phương thực hiện liên kết làm cơ sở để tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP theo Chương trình Mỗi xã một sản phẩm.

6. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng vùng sản xuất

a) Quy hoạch sử dụng đất phù hợp, phục vụ đầu tư hạ tầng phục trợ thiết yếu, phục vụ sơ chế, bảo quản tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; tạo điều kiện phát triển hệ thống logistic trên địa bàn.

b) Rà soát hiện trạng, ưu tiên đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, nhất là hệ thống giao thông nội đồng và điện phục vụ sản xuất.

c) Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, thực hiện đồng bộ trong các khâu từ sản xuất đến thu hoạch, sơ chế, chế biến.

7. Kịp thời tổng hợp những khó khăn, kiến nghị để hoàn thiện cơ chế, chính sách về khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn

a) Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh danh mục sản phẩm, ngành hàng khuyến khích ưu tiên thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông

ng nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Nắm bắt, tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai chính sách về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, đề xuất tham mưu, kiến nghị cấp thẩm quyền xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

c) Hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các sản phẩm ngành hàng được khuyến khích, ưu đãi thực hiện liên kết.

8. Tăng cường thực hiện công tác chỉ đạo, kiểm tra giám sát thực hiện liên kết và nhận rộng mô hình liên kết hiệu quả

a) Ban hành chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

b) Các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình hành động triển khai thực hiện khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

c) Theo dõi, chỉ đạo xử lý khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình thực hiện liên kết.

d) Thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tổ chức thực hiện và công tác phối hợp thực hiện của các ngành, các địa phương về tình hình thực hiện khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

đ) Kịp thời tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá các mặt tích cực, mặt hạn chế, qua đó rút kinh nghiệm, chỉ đạo khắc phục những tồn tại, tháo gỡ khó khăn.

e) Nhân rộng mô hình thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hiệu quả trên địa bàn.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện là **1.526.400.470.000 đồng** (Một nghìn năm trăm hai mươi sáu tỷ, bốn trăm triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng), trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 34.856.450.000 đồng, cụ thể:

+ Vốn sự nghiệp nông nghiệp: 19.856.450.000 đồng.

+ Vốn đầu tư: 15.000.000.000 đồng.

- Ngân sách huyện: 299.111.700.000 đồng.

- Vốn đối ứng của doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân: 1.192.432.320.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 về kinh phí thực hiện kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2021-2022, đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chỉ thị triển khai thực hiện khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

- Thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Nắm bắt, tổng hợp khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai chính sách về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tham mưu, kiến nghị cấp thẩm quyền xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện kết nối các doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến với các cơ sở sản xuất.

- Theo dõi, đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện; định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Triển khai hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; các nhiệm vụ và giải pháp Chính phủ giao tại Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững; Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh danh mục kêu gọi đầu tư của tỉnh để xúc tiến mời gọi đầu tư theo kế hoạch hàng năm của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các ngành, địa phương rà soát, cập nhật bổ sung danh mục các dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Nhất là các dự án có đầu tư chế biến nông lâm thủy sản.

- Trên cơ sở danh mục dự án liên kết do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư, khả năng cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

3. Sở Tài chính

Bố trí nguồn ngân sách triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ khuyến khích phát triển liên hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

4. Sở Công Thương

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các cụm công nghiệp chế biến nông sản theo quy hoạch, kết nối các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại nông lâm thủy sản nhằm giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm nông lâm sản và thủy sản thị trường trong và ngoài nước; thúc đẩy phát triển thương mại điện tử.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương thực hiện tốt công tác thông tin, dự báo thị trường tiêu thụ nông sản; các yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng nông sản của từng thị trường tiêu thụ. Triển khai các giải pháp kết nối mở rộng thị trường và kênh phân phối cho sản phẩm nông sản tỉnh.

- Tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách và hoạt động thúc đẩy tiêu thụ nông sản trong nước; hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia chuỗi cung ứng, thương mại điện tử; đầu tư hạ tầng điện tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, điều chỉnh danh mục sản phẩm, ngành hàng khuyến khích ưu tiên thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hướng dẫn, hỗ trợ các dự án liên kết được phê duyệt đăng ký bảo hộ về nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý, áp dụng hệ thống quản lý tiến tiến trong sản xuất, hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa, công bố chất lượng sản phẩm, đăng ký mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm tham gia các dự án liên kết được phê duyệt.

- Quản lý hiệu quả các đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ, thúc đẩy liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ trong chuyển giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả nghiên cứu để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch sử dụng đất phù hợp, phục vụ đầu tư các hạng mục thiết yếu, phục vụ sơ chế, bảo quản tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phát triển nông nghiệp theo chuỗi trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu triển khai thực hiện Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó tập trung ưu tiên cho các đối tượng tham gia chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản.

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Đồng Nai

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tạo điều kiện cho các hộ gia đình, tổ chức, cơ sở ngành nghề nông thôn vay vốn; có cơ chế khuyến khích các tổ chức tín dụng đẩy mạnh cho vay đối với đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và trang trại thực hiện vay vốn ưu đãi tín dụng theo chuỗi liên kết.

9. Hội nông dân tỉnh

Tăng cường tuyên truyền chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh và các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp khác.

10. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ nhằm giúp các hợp tác xã xây dựng phương án hoạt động sản xuất kinh doanh, quảng bá, tiếp cận thị trường và mở rộng các hoạt động hợp tác, liên doanh, liên kết giữa các hợp tác xã với các tổ chức kinh tế khác nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, hình thành chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

11. Các sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo, thực hiện khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, theo chế độ báo cáo.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Trên cơ sở kế hoạch này, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động về thực hiện khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn đến năm 2025.
- Tổng kết, rút kinh nghiệm các dự án liên kết đã triển khai giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn.
- Cân đối ngân sách địa phương, xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí tuyên truyền thực hiện khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.
- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng dự án, kế hoạch liên kết; thẩm định, phê duyệt theo phân cấp thẩm quyền.
- Bố trí kinh phí, hướng dẫn, quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách của địa phương đối với các dự án, kế hoạch liên kết được phê duyệt theo quy định.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Hàng năm, các sở, ban ngành và địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công để xây dựng kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, rà soát báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Định kỳ 06 tháng (trước ngày 10/5), hàng năm (trước ngày 15/11) hoặc đột xuất báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên đây là kế hoạch Phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn năm 2021-2025. Ủy

ban nhân dân tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được phân công chủ động phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan (mục IV);
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/630. KHchuoilienket)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



CHI TIÊU CHUYỂN LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025
Phụ lục 1:
(Kèm theo Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 8/10/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT		NỘI DUNG	Tỷ lệ giá trị sản lượng sản phẩm nông nghiệp được tiêu thụ dưới hình thức hợp tác liên kết	Chỉ tiêu số lượng dự án, kế hoạch liên kết được phê duyệt trong giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	TỔNG		
1		Xuân Lộc	≤50%	1	2	2	2	1	8	Trên cơ sở chỉ tiêu hàng năm, UBND các huyện, thành phố cụ thể hoá chỉ tiêu trong từng lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp	
2		Cẩm Mỹ		1	2	2	2	2	9		
3		Định Quán		0	3	3	3	4	13		
4		Tân Phú		0	3	3	3	3	12		
5		Thống Nhất		0	3	3	3	3	12		
6		Trảng Bom		1	2	2	2	2	9		
7		Vĩnh Cửu		0	1	1	1	2	5		
8		Long Thành		0	1	1	2	2	6		
9		Nhơn Trạch		0	1	1	1	0	3		
10		tp.Long Khánh		0	1	2	1	1	5		
11		tp.Biên Hòa		0	1	0	0	1	2		
TỔNG CỘNG				3	20	20	20	21	84		



Phụ lục 2:
DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Kế hoạch số 12767/KH-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ST T	NỘI DUNG	TỔNG GIAI ĐOẠN				Ghi chú
		Tổng KP	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn đối ứng DN, HTX, ND	
1	Kinh phí hỗ trợ các dự án đã được phê duyệt (11 dự án)	45.744,01	-	12.771,70	32.972,32	
	Hỗ trợ tư vấn xây dựng chuỗi (02 chuỗi)	98,71		98,71	-	Căn cứ các dự án đã được phê duyệt
	Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông	1.970,68		985,34	985,34	
	Hỗ trợ giống, vật tư qua dịch vụ tập trung của HTX	7.346,92		1.300,47	6.046,45	
	Hỗ trợ vật tư hệ thống tưới nước tiết kiệm	33.221,92		7.821,59	25.400,33	
	Hỗ trợ chứng nhận GAP	2.137,00		1.596,80	540,20	
-	Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật	968,79		968,79	-	
2	Kinh phí hỗ trợ các dự án dự kiến phê duyệt trong giai đoạn (84 chuỗi)	1.478.800,00	33.000,00	286.340,00	1.159.460,00	
-	Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết (100%)	14.200,00	2.000,00	12.200,00	-	10 chuỗi cấp tỉnh phê duyệt hỗ trợ; mức hỗ trợ bình quân 200 triệu/dự án
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (50%)	6.000,00	-	3.000,00	3.000,00	Trên cơ sở định mức KTKT, ước dự toán bình quân 01 mô hình là 100 triệu đồng; khoảng 60 chuỗi đề nghị hỗ trợ nội dung này
-	Hỗ trợ mô hình khuyến nông ứng dụng công nghệ cao (40% không quá 1 tỷ)	25.000,00	10.000,00		15.000,00	Có 10 chuỗi đề xuất hỗ trợ nội dung này; mức tối đa 1 tỷ đồng/dự án
-	Hỗ trợ mua máy móc, trang thiết bị phục vụ liên kết (30%)	20.000,00	6.000,00	-	14.000,00	10 chuỗi đề nghị hỗ trợ nội dung này; dự toán đầu tư máy móc bình quân 2 tỷ/dự án
-	Hỗ trợ xây dựng công trình phục vụ liên kết nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ liên kết (20%)	50.000,00	15.000,00		35.000,00	5 chuỗi đề nghị hỗ trợ nội dung này; dự toán đầu tư công trình bình quân 10 tỷ/dự án - Vốn đầu tư
-	Hỗ trợ giống, vật tư qua dịch vụ tập trung của HTX	840.000,00		106.500,00	733.500,00	bình quân hỗ trợ 1,5 tỷ đồng/dự án
-	Hỗ trợ vật tư hệ thống tưới nước tiết kiệm (30%)	448.000,00	-	134.400,00	313.600,00	70 dự án; bình quân quy mô khoảng 80ha/dự án; định mức đầu tư bình quân khoảng 80 triệu/ha

-	Hỗ trợ áp dụng quy trình GAP (40%)	75.600,00	-	30.240,00	45.360,00	Bình quân kinh phí thực hiện GAP là 900 triệu/dự án
3	Tuyên truyền thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (cấp tỉnh thực hiện - năm 2021 đã được bố trí)	1.210,53	1.210,53	-	-	UBND cấp huyện cân đối ngân sách địa phương để xây dựng dự toán, bố trí kinh phí thực hiện tuyên truyền liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn
-	Tổ chức lớp tuyên truyền (11 lớp/năm)	802,03	802,03	-	-	Đơn giá 01 lớp tại phụ biểu kèm theo: 14,248 triệu đồng
-	Sửa chữa các pano (Dự toán theo báo giá năm 2021: 23,5 triệu/bảng x 11 bảng)	258,50	258,50	-	-	
-	Tuyên truyền trên Đài phát thanh - Truyền hình (10 tọa đàm x 15 triệu/tọa đàm)	150,00	150,00	-	-	
4	Tổ chức Hội nghị kết nối sản xuất - tiêu thụ nông sản (03 Hội nghị)	323,40	323,40	-	-	UBND cấp huyện cân đối ngân sách địa phương để xây dựng dự toán, bố trí kinh phí thực hiện Hội nghị kết nối sản xuất - tiêu thụ nông sản
5	Tổ chức các cuộc kết nối trực tiếp giữa các DN - HTX - ND (60 cuộc)	125,40	125,40	-	-	UBND cấp huyện cân đối ngân sách địa phương để xây dựng dự toán, bố trí kinh phí thực hiện các cuộc kết nối sản xuất - tiêu thụ nông sản
	Công tác phí (07 người/lần x 60 lần x 200.000đ/người/lần)	84,00	84,00	-	-	
	Nhiên liệu xe (bình quân 24 lít/chuyến, định mức xe 16 lít/100km, chuyến bình quân 150km; 50 chuyến)	26,40	26,40	-	-	
	Thuê xe (ước thực 10 lần thuê, 1,5 triệu/lần)	15,00	15,00	-	-	
6	Hội thảo nhân rộng mô hình hiệu quả về liên kết (03 Hội nghị)	120,00	120,00	-	-	40 triệu đồng/hội nghị bao gồm: hỗ trợ tiền xe, tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương; tài liệu, thuê hội trường, nước uống...
7	Kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện hàng năm (01 lần/năm)	77,12	77,12	-	-	UBND cấp huyện cân đối ngân sách địa phương để xây dựng dự toán, bố trí kinh phí thực hiện kiểm tra, giám sát
	Công tác phí (07 người/lần x 01 lần/năm x 200.000đ/người/lần x 10 chuyến/lần)	56,00	56,00	-	-	
	Nhiên liệu xe (bình quân 24 lít/chuyến, định mức xe 16 lít/100km, chuyến bình quân 150km, 10 chuyến/lần)	21,12	21,12	-	-	
	TỔNG CỘNG (1+2+3+4+5+6+7)	1.526.400,47	34.856,45	299.111,70	1.192.432,32	